

## Không gian văn hóa trong một số tiểu thuyết viết về nông thôn sau Đổi mới

Hồ Thị Giang\*

**Tóm tắt:** Không gian văn hóa nông thôn trong văn học sau Đổi mới là mô hình không gian đặc biệt, chịu sự tác động của hoàn cảnh lịch sử xã hội và những thay đổi về tư duy tiểu thuyết. Để làm nổi bật xung đột văn hóa, các nhà văn đã kiến tạo lại không gian truyền thống trong tác phẩm. Có thể nhận diện một số đặc điểm như là: không gian nhỏ, hẹp; không gian hội hẹp; không gian đối ngược thành thị - nông thôn; mơ hồ hóa và dịch chuyển không gian. Trong tương quan với không gian thành thị, một mặt, không gian nông thôn có xu hướng giải cấu trúc truyền thống (ví dụ, việc thay đổi công làng, sân đình, phá bỏ cây đa, cây gạo, quy hoạch lại các khu kinh tế,...) Mặt khác, không gian nông thôn được nhìn như một nơi chốn bình yên, tự nhiên nhất, có thể cứu thoát con người khỏi sự bế tắc và hoang loạn bởi những toan tính, vụ lợi trong cơ chế thị trường. Diễn ngôn về không gian văn hóa nông thôn cho thấy nỗ lực kiến tạo mô hình hiện thực và con người thời hiện đại của nhà văn.

*Từ khóa:* không gian văn hóa; nông thôn; đô thị; tiểu thuyết.

*Ngày nhận 28/11/2017; ngày chỉnh sửa 16/01/2018; ngày chấp nhận đăng 21/6/2018*

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hóa là hướng đi rất triển vọng giúp vượt lên giới hạn của nghiên cứu hình thức văn bản, đồng thời tạo tính liên đới cần thiết giữa văn học với các chuyên ngành khoa học xã hội khác như dân tộc học, xã hội học, tâm lý học,... Tìm hiểu không gian văn hóa trong tiểu thuyết cho phép chúng ta vừa nhận diện được đặc điểm chủ thể văn hóa (gắn liền với sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tâm linh) vừa thấy được đặc trưng mô hình không gian văn hóa vùng trong nỗ lực kiến tạo của chủ thể sáng tác.

Với tác động của xu hướng đô thị hóa mạnh mẽ, văn học sau Đổi mới nhìn nông thôn như một thực thể văn hóa bị tổn thương

để thấy được những dịch chuyển căn bản về xã hội và văn hóa của nước ta. Sự vận động từ nông thôn đến thành thị kéo theo nhiều trạng thái vận động khác, như là: từ truyền thống đến hiện đại, từ khép kín đến rộng mở, từ bảo thủ đến dân chủ, ... mà trong đó, chứa đựng rất nhiều những mâu thuẫn, xung đột. Đã có khá nhiều bài nghiên cứu bàn về các biểu hiện của văn hóa nông thôn, nhất là tìm hiểu và phân tích ý nghĩa của các biểu tượng trong không gian làng xã. Tuy nhiên, tìm hiểu không gian văn hóa nông thôn trong chủ hướng đối thoại của nhà văn về dựng độ văn hóa cũ - mới còn là một khoảng trống. Nhìn ở góc độ này, sẽ thấy, không gian văn hóa nông thôn như là một kí hiệu thăm mĩ đa tầng nghĩa để vừa nhận thức được “kinh nghiệm nguyên thủy” của người thời trước, vừa thấy được những thay đổi tất yếu trong thời đại mới; vừa nhận ra những giới hạn cũ mòn, những tha hóa vội vã, vừa

\* Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội; email: hogiang86cnn@gmail.com

thấy được nỗi khao khát tìm nguồn để chạy trốn những khoảng trống, những vỡ vụn trong bối cảnh nhịp độ phát triển nhanh chóng. Từ đó, một mặt, đưa tới quan điểm, cách nhìn đa chiều của nhà văn về con người và cuộc đời, mặt khác, chúng tỏ tính ưu việt của thể loại tiểu thuyết trong nỗ lực kiến tạo hiện thực xã hội và đời sống văn hóa.

## 2. Không gian văn hóa nông thôn

Theo nghĩa rộng, không gian văn hóa được hiểu là môi trường do con người tạo ra, gắn với giá trị chinh phục và cải tạo tự nhiên, nhằm bộc lộ quan hệ và cách ứng xử của con người trong cuộc sống. Theo nghĩa hẹp hơn, không gian văn hóa gồm các hiện tượng văn hóa tồn tại, biến đổi trong điều kiện hoàn cảnh nhất định, bị chi phối bởi ý thức hệ và quan niệm thẩm mỹ. Hơn nữa, cách nhìn hiện đại không tập trung phân tích không gian như là cái khung/khuôn khổ để sản xuất mô hình của nhận thức, mà quan tâm không gian như là phạm vi của diễn ngôn, sản phẩm của quyền lực, diễn giải về bản sắc.

Không gian văn hóa nông thôn là môi trường nông thôn/làng quê tái diễn những hiện tượng văn hóa vừa mang tính cố định, vừa sinh động biến đổi, gắn với quy cách ứng xử và lối sống của con người. Không gian văn hóa nông thôn mang đậm bản sắc văn hóa Việt, bởi khởi nguyên sự hình thành văn minh/văn hóa nước ta là nền nông nghiệp lúa nước. Trong những dịch chuyển quan trọng về quan niệm hiện thực và con người, cấu trúc không gian nông thôn xuất hiện với hai động hướng: hoặc là, không gian biểu tượng của cái đẹp truyền thống bền vững có sức xoa dịu, vỗ về con người sau bao đổ vỡ, gây nên trạng thái hoài nhớ, mong mỏi thiết tha hành trình “tìm nguồn”, “trở về” (phương diện này, nông thôn được nhìn nhận trong tương quan xung đột với đô

thị). Hoặc là, không gian lộn xộn, nhỏ hẹp và chật chội gắn với tính bảo thủ, cố chấp của con người (phương diện này, nông thôn được tiếp cận ở những mặt trái vốn có, trở nên cấp thiết trong điều kiện phát triển mới của thời đại).

Không gian văn hóa nông thôn trở thành một dạng kí hiệu khi được mã hóa vào tác phẩm nghệ thuật. Không gian ấy trước hết biểu hiện qua các hình ảnh có tính mô phỏng, ví dụ như lễ hội ông Đùng bà Đà với hoạt động đón rước, giao phối của nhân vật, lễ hội kính Mẫu qua giọng hát, ánh mắt người hầu đồng (*Mẫu thượng ngàn*), hoặc cảnh sinh hoạt đặc trưng nông thôn bên bên nước làng Đông (*Bến không chồng*), hay là đình làng, cổng làng, cây đa, phiên chợ, con đường, ... Tuy nhiên, việc cắt nghĩa các hình ảnh này không phải là nhận thức sao chép, phản ánh nguyên đức bằng thị giác, mà phải huy động các yếu tố trực giác lẫn liên tưởng, tưởng tượng. Không gian văn hóa được diễn giải trên một trục ngữ đoạn nhất định, chịu hệ quy chiếu tư tưởng nhất định, cho nên đó là những “không gian mang thông điệp”, những không gian có chiều sâu. Tìm hiểu không gian văn hóa nông thôn, không gì khác, chính là giải mã các biểu tượng văn hóa đã trầm tích trong đó những nếp nghĩ muôn thuở, ngàn đời, những ứng xử văn hóa có tính “di truyền” qua các thế hệ. Mặt khác, không gian văn hóa nông thôn luôn được đặt trong sự vận động của hình tượng nhân vật, sự biến đổi của cấu trúc cốt truyện, sự song chiếu, đối chiếu các điểm nhìn. Để làm nổi bật động hình văn hóa, văn học về nông thôn trong bối cảnh Đổi mới, các tác giả tiểu thuyết đã thực hành tính phân li của biểu tượng dựa trên sự dịch chuyển các mảng không gian và chủ thể, đồng thời kiến tạo mô hình không gian đặc trưng nhằm phản ánh được những xung đột, mâu thuẫn, làm lộ ra những mặt trái cần được đối thoại lại một cách nghiêm túc.

### 3. Kiến tạo không gian văn hóa nông thôn trong tiểu thuyết

#### 3.1 Trước hết, các nhà văn kiến tạo mô hình không gian nhỏ, hẹp

Trong hầu hết các tiểu thuyết viết về nông thôn sau Đổi mới, không gian sân đình, chợ búa, ngõ xóm, ao làng, ... được kết hợp với nhiều sự kiện trở trêu liên tục xảy ra, làm gia tăng lượng tin, gia tăng không khí nhồn nháo, tranh luận, đầy kịch tính lên cao. Ở lĩnh vực truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp cũng thường thu hẹp không gian nông thôn để diễn tả sự tù túng, ngột ngạt của làng quê: một quãng sông vắng lặng, ít người qua lại; khoảng sân nhỏ với mấy con gà đang mổ thóc; bữa cơm gia đình; cánh đồng trong làn mưa với tiếng ếch kêu trong đêm sâu... Nguyễn Minh Châu tập trung vào phiên chợ, sân họp tác, con đường hẹp, ... để khai thác những góc cạnh đời thường nhất, thậm chí là khuất lấp và ẩn kín nhất của đời sống nông thôn. Với tiểu thuyết *Ba người khác*, Tô Hoài tạo nên không gian làng quê heo hút, hoang sơ với bước chân “sắt đá” lần tìm địa chủ, bản cổ nông của đội cải cách: bức tường đỏ, đèn hoang, cái sân cũ kĩ “cỏ mọc lung ồng chân”, cửa tối om. Từ sự phân mảnh không gian làng gồm: xóm Am, xóm Chuôm, xóm Địa, không gian dần được tách nhỏ hơn, chứa nhiều nghịch lí hơn. Không gian nông thôn trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma* là một làng nhỏ “tính từ phía bắc xuống là địa danh cuối cùng của đất trung du”, phía bắc và phía nam của làng vẫn còn “công tiền công hậu như hai ụ súng”. Nguyễn Khắc Trường chọn thời khắc đối giáp hạt “nhảy xổ vào cả cái xóm Giếng Chùa”, khiến cho làng “chết đói vàng mắt”. Không gian được ép chặt hơn khi nhà văn tạo ra cuộc đấu tố địa chủ tại sân nhà Vũ Đình Đại. Ngay trên chính mảnh đất của dòng họ, gia tộc, cảnh cha con chửi chém nhau, xia xối, nhục mạ nhau thành một vở

kịch căng thẳng, gay gắt. “Tất cả được lùa ra giữa sân như một đám hành khất, ngồi bệt xuống giữa vòng trong vòng ngoài dân làng” (Nguyễn Khắc Trường 2012: 22). Lúc này, mối quan hệ cha - con nhường chỗ cho quan hệ giai cấp, tình máu mủ ruột thịt trở nên hèn hạ trước những lời hô gọi âm ào, quyết liệt. Tính hỗn loạn của đám đông tăng thêm sức nén không gian. Sự đối lập giữa các nhóm, các phe, các cá nhân làm cho bức tranh nông thôn càng thêm ngột ngạt. Ở những đoạn như vậy, cấu trúc không gian của tiểu thuyết rất giống với thể kịch - thể loại dung chứa trong nó những xung đột gay gắt, cao trào. Trong *Dưới chín tầng trời*, không gian đầu tố được bao bọc thêm bóng tối, tạo ấn tượng vùng sống chông chênh được dẫn dụ bởi tội ác. Không gian ấy nửa thực nửa hư, khiến người đọc hoài nghi về hiện thực: “Tôi đến dân làng lũ lượt ra sân đình Đoài để đấu tố Hoàng Kì Bắc. Trần Tăng uy nghiêm đứng trên bục cao rọi ánh mắt xuống từng gương mặt người dân làng Đoài phán xét. Không gian lặng phắc, nghe rõ từng hơi thở, từng nhịp đập của những con tim run rẩy hãi hùng. Một vài cánh dơi quáng đèn từ mái đình Đoài bay vụt lên nháo nhác. Những gương mặt héo hắt dưới ánh sáng đèn nhập nhòa trên sân đình” (Dương Hương 2007: 54). Tương tự như thế, không gian trong *Bến không chồng* là làng Đông thân thuộc với dòng sông, cây đa, bến nước, sân đình. Ấn tượng đầu tiên trong lần trở về của Vạn là “cây quéo trước cửa đình tán lá xanh sẫm cao lừng lừng giữa khoảng trời chiều”. Không gian dịch chuyển từ xa đến gần, từ bao quát đến chi tiết. Từ đường họ Nguyễn là không gian nhỏ hơn, là “nhà tù cùm nhốt địa chủ và bọn phân động”. Cứ chập tới, bộ đội súng ống rậm rịch kéo về tập kết chặt ba gian từ đường. Ở không gian sân đình, người ngồi chen đặc sân để chứng kiến cuộc đấu tố. Không gian đám cưới của Nghĩa và Hạnh là nhà kho họp tác. Không gian nhà ông Khiên, nhà chị

Nhân có những cuộc trò chuyện tòn mụt và đầy áp nỗi buồn. Nhà văn Đào Thắng luôn lách ngòi bút vào tận góc giường của chị Cả Thuần để thấy những vỡ vụn tâm hồn, những bi kịch đau thương khi con người dần thân và hoà nghi về những điều vốn được coi là xác tín. Khu trụ sở ủy ban trở thành nơi làm nhục người khác của thằng Lẹp. Không gian nói rộng dần ra dòng sông Châu cũng không mang lại sự thoáng đãng, yên bình, bởi vì vòng tay của sông mẹ lại đón những cuộc đời bi kịch. Mô hình không gian nhỏ, hẹp làm nổi bật tính chất khép kín của làng quê nông thôn, đồng thời tạo ấn tượng về những mê lộ, những con đường tối tăm, chật chội làm o bế tầm nhìn của con người.

### 3.2. Một không gian khác rất ấn tượng là: không gian hội họp

Không gian hội họp là nơi thể hiện tâm lí đám đông nông thôn rõ nhất. Đó là cuộc họp toàn xã Hạ Vị trong *Thời xa vắng* để công bố quyết định của ủy ban kháng chiến về việc chống đói và cứu đói: “cả làng nghìn con người vẫn ngồi chật ních trong đình ngoài sân, ngồi và đứng xuống cả dệ cô, đứng cả ngoài đường”. Về nhón nháo, bồi rối của cuộc họp thể hiện qua nỗi ám ức ngấm của người nông dân: “ngồi đâu, đứng đâu cũng nghe thấy cả, cũng tức tối cả nhưng ai cũng chờ, cũng mong đợi một người nào đó sẽ nói hộ nỗi ám ức của mình. Chỉ đứng và ngồi thín thít mà ước...” (Lê Lựu 1998: 37). Lâu dần, “tiếng ca thán, lời trách móc nổi lên, lúc đầu còn rì rầm ở ngoài chỗ tối, sau lan vào đến giữa đình, ồn ào như họp chợ” (Lê Lựu 1998: 37). Tâm lí đám đông vừa sợ hãi vừa a dua thể hiện ngay trong không khí cuộc họp ấy. Người này nhìn người kia, rụt rè, thụ động, không dám nêu chính kiến của mình. Âm thanh cất lên và lan rộng rầm rì cũng là âm thanh đám đông, khi các cá nhân lần lượt vào tập thể. Cuộc triệu tập bà con làng Nhô của lão Khả

chính là sự trình hiện trò chơi điều khiển đám đông. Bằng phát ngôn nhân danh bà con, nhân danh quyền lợi của xã, lão Khả đã dẫn dắt người nông dân vào con đường phản kháng mù quáng. Những tiếng vỗ tay tán thưởng, những lời nói tung hô, bao che và bẻ cánh trong cuộc họp lan dần, rộng dần như là sự cộng hưởng của tâm lí số đông ngại vạ lây, ngại lên tiếng, và chỉ mong chia chác chút ít lợi ích. Nhìn từ không gian hội họp, các nhà văn thấy được mặt trái của tâm lí nông dân. Đây thực sự là vấn đề sâu xa trong nỗ lực kiến tạo mô hình con người mới đáp ứng sự thay đổi của thời đại.

Không gian hội họp còn phơi bày sự mâu thuẫn giữa giả dối và chân thực, tàn nhẫn và nhân văn. Đó là cuộc họp tại văn phòng Đảng ủy xã với hình thức bàn về biện pháp chỉ đạo thu hoạch vụ mùa, mà thực chất là cuộc đối chất tay đôi giữa người buộc tội, chất vấn (Thiên) và người thanh minh, bào chữa (Cọ). Cuộc họp nhanh chóng chuyển từ đối thoại sang hãn học, căm thù nhau. Trong *Ba người khác*, “những buổi họp bàn chia ruộng, quả thực, chưa đâu vào đâu, ai cũng tề tât, hãm hê tìm tòi vạc nhau”. Không gian nhón nháo ở thôn Chuôm mà nhân vật tôi chứng kiến hiện lên đầy ngọt ngào, bí bách. Hàng loạt sự kiện diễn ra liên tiếp mở rộng ý nghĩa của không gian: Việc tổ khổ địa chủ thường xuyên sôi sục; bốn địa chủ với hai phản động gian ác phá tường nhà tạm giam, trốn mất; có hai đám tự tử, một người đâm đầu xuống giếng, một người thắt cổ; ở thôn Địa, nửa đêm cháy hơn chục nóc nhà, người phải ra đồng chặt đất cày như xếp ai làm vách lỗ đất hang chuột để ở tạm. Đào Thắng kiến tạo không gian trụ sở ủy ban với cuộc thẩm vấn đầy bi hài: người tra hỏi là “một bộ sậu khá đông đảo” (như: “lão Râu đen lông mày bã mía”, người từng đi làm nhà chèo ở lò ông Quĩ Nhất, nay thành phó chủ tịch kiêm công an xã; bà Mến đại diện hội phụ nữ, thằng Lẹp đại diện cho du

kích), người trả lời là chị Cả Thuần (con dâu ông Quỳ Nhất) - một người đàn bà cô đơn, đau khổ và bất hạnh. Cuộc truy vấn xung quanh vấn đề quen biết và đi lại với ông Nghĩa - người được coi là thành phần phản động. Không gian bị ép lại bởi những dọa dẫm và những bức xét đến cùng, không phải để ghi lại lời khai công minh mà là ép buộc theo chủ ý vạch sẵn. Không chỉ vậy, lão Râu đen dùng chiêu trò dụ dỗ, ép chị Cả Thuần thỏa mãn nhu cầu dục vọng của hắn để đổi lấy tự do. Thằng Lẹp bản năng và bị ỏi cưỡng hiếp chị Cả Thuần ngay tại chỗ vì tự ái rằng lão Râu đen sai hắn việc vặt vãnh để có thời gian xắm xúi với chị. Sự man rợ diễn tiến rất nhanh trong cảnh ngộ bị đát của chị Cả Thuần: “ngang bụng bị quấn dây thừng chập đôi, xiết vào cột nhà. Chị không còn khóc nữa, mặt tái bọt dầu tưa vào cột nhà, hai mắt nhắm nghiền mê mụ, thỉnh thoảng đầu bị ngật ra ngoài cây cột chị mới choàng tỉnh” (Đào Thắng 2005: 235).

Những cuộc họp diễn ra khi công khai, khi lén lút; khi ồn ào, khi thâm thi. Phạm vi cuộc họp có thể là họp chi bộ, họp xóm, họp phe cánh hoặc họp gia đình. Cũng có khi, đó là những cuộc họp tay đôi để bàn mưu tính kế nhằm trục lợi cá nhân. Điểm chung giữa các cuộc họp này là sự trỗi dậy của ý thức dòng họ. Cuộc họp gia đình bàn chuyện gì chẳng nữa, sau cùng vẫn là lập đi lập lại “thanh danh gia đình, dòng tộc”, “trả mối thâm thù hai dòng họ”. Cho nên, các cuộc họp trong tiểu thuyết viết về nông thôn mang đậm tính cục bộ, hình thức. Có khi cuộc họp diễn ra đầy hài hước qua sự mâu thuẫn giữa về ngoài và bản chất: chi bộ chưa quyết xong thì mọi thông tin quần chúng đã nắm hết. Tư duy họ tộc ngấm vào lối sống, vào việc làm của người nông dân, tạo nên những quyết định mang tính chủ quan, ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội. Chọn góc nhìn này, các nhà văn đã thâm nhập vào thói quen nông thôn, tư duy nông thôn để chủ

yếu nhận ra những bất cập của nông thôn trong quá trình đô thị hóa.

### **3.3. Bên cạnh đó, các nhà văn đã tạo mô hình không gian đối ngược thành thị-nông thôn.**

Trước hết, sự đối ngược này phản ánh tốc độ đô thị hóa, mà biểu hiện dễ nhìn thấy nhất là sự thay đổi về phạm vi, về hình thức không gian. Các dự án khu du lịch Đầm Sen, khu kinh tế mới được đẩy mạnh để tận dụng đất đai nông thôn. Những con đường quy hoạch, dự án sân golf của người nước ngoài đều được ưu tiên phát triển. Mảng không gian ồn ào, toan tính, gấp gáp, đối lập và xâm lấn dần không gian chân quê, cánh đồng, công làng, đình làng, sân chùa vốn quen thuộc, yên tĩnh trong đời sống nông thôn.

Tuy nhiên, đáng nói là những va chạm, cọ xát giữa nông thôn và thành thị chuyển từ không gian bên ngoài sang không gian của chủ thể văn hóa. Dịch chuyển về vật chất có thể dễ nhận thức và khá ồ ạt, nhưng sự dịch chuyển về thói quen và nếp nghĩ lại không phải ngày một ngày hai. Hệ lụy là những đau đớn, trần trở trước chối bỏ và đón nhận, lãng quên và hồi cố, bình yên và trống rỗng. Rất nhiều những trạng thái “đang dở” thể hiện trong quá trình ấy. Thói quen sinh hoạt dân dã, thô mộc và rườm rà của Giang Minh Sài trở nên phản cảm, khó ưa trong con mắt của Châu - người vợ thành thị. Lên nhà pha nước, lấy đũa sơ com, lấy bao thuốc và rót nước, chờ com cạn và bắc nước luộc rau... chừng ấy hành động diễn ra khi Sài đón tiếp Tỉnh và Hiếu đã cho thấy sự luộm thuộm, rề rà của một anh Sài nông dân chân chất chưa biết thu xếp. Ngoài ra, Sài còn có thói quen “ngồi kéo quần lên tận đùi và tượng cả hai bàn chân đi xa về chưa rửa lên ghề, ăn uống húp hoáp xì xoạp, mồ hôi mồ kê đầm đĩa nhễ nhại, ăn xong ngồi xia răng nhanh nhách, đôi khi há mồm vẹo cả mặt để thò ngón tay vào cạy các thứ mắc kẹt ở kẽ răng”

(Lê Lựu 1998: 294). Sự đổ vỡ hôn nhân giữa Sài và Châu không đơn giản là chuyện thiếu hòa hợp trong tình yêu đôi lứa, mà còn là nỗi khôn đốn, vụng về của cuộc hôn nhân nông thôn và thành thị. Bởi vì, từ những đề ý vật vãnh đến những mĩa mai, khinh bỉ, nhân vật lâm vào nỗi cô đơn, tủi thân, bất lực. Miêu tả những nhếch nhác của người nông dân Giang Minh Sài, nhà văn Lê Lựu thường sử dụng giọng giễu nhại. Tiếng cười giễu nhại không tạo ra sự gián cách giữa chủ thể và đối tượng như tiếng cười châm biếm, đả kích, mà trong tiếng cười giễu nhại, chủ thể hòa vào đối tượng, cười người cũng chính là cười mình. Vì thế, lời giễu nhại trong các tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại không mang lại ấn tượng chủ thể phát ngôn là một truyền truyền viên, một cái nhìn toàn tri phán xét và châm biếm, ngược lại, nó tạo ra ấn tượng chủ thể là người cùng thời, là người rất gần gũi và dân chủ với đối tượng cũng như với người tiếp nhận.

Tính lẩn lút của văn hóa đô thị cũng tạo nên những trầy xước, mạnh hơn là những rạn vỡ niềm tin cổ thủ của người nông dân, biểu hiện qua sự thay đổi quan niệm về tính thiêng. Về phương diện nào đó, có thể phân tích từ góc độ “giải thiêng”, tức là kéo gần những sự vật ở ngưỡng tôn thờ đến sát đời thường hơn, và tìm cách lí giải mọi hiện tượng đời sống ở tính năng động của chủ thể con người trong cuộc sống. Tuy nhiên, nhiều hơn, các nhà văn đã đối thoại sâu sắc về con đường gìn giữ văn hóa truyền thống trên hành trình hội nhập. Biểu tượng đình làng vốn uy nghi và thiêng liêng trở thành “môi tâm linh” trong ý đồ dụ dỗ của Khả (*Kẻ ám sát cánh đồng*). Nguyễn Vạn (*Bến không chông*) “đến sớm đái cả lên bệ thờ” vào hôm phá miếu. Trong tư cách là người kế thừa vị trí trưởng tộc, Nghĩa đã dỡ bỏ hậu cung của nhà thờ họ, xây nhà mới trên đất hương hỏa. Đỗ Minh Tuấn táo bạo và gai góc hơn khi liên tục tạo ra những hình ảnh xung đột gay

gắt giữa thiêng - tục, cao quý - thô lỗ: Chiến (chủ tịch xã) cho nhỏ 19 bát hương xung quanh gốc gạo, lấy chân hương về bỏ tú làm đóm hút thuốc, Minh và John làm tình ngay trong nhà thờ họ, Giác dọa dẫm đập bát hương trên bàn thờ tổ tiên, làng Bái Hạ biến thành khu mỏ khai thác quặng Crom ... Kề cầm súng canh chừng gốc cây gạo để ngăn chặn hành động cúng bái mê tín như Thao lại chính là kẻ làm binh phong cho con trai phong thánh một cách mù quáng. Tôn ti, trật tự, truyền thống cha ông bao đời lại được mang ra để làm công cụ ứng xử trong diễn ngôn của trưởng Giác “lấy độc trị độc”, “đưa các cụ vào trật tự”. Khi thánh Chấn mất thiêng, cái điện thờ thâm nghiêm cũng bị phá đi để bố Thánh lấy gạch xây chuồng lợn. Nói như nhà nghiên cứu Phan Huy Dũng, “trong cái không gian bao trùm của thứ văn hóa hồ lớn ấy, bao nhiêu nghịch lí, nghịch cảnh đã phô bày”: “có đám người hét đường kiếm sống phải cạo đầu giả làm sư khát thực chặn ngang đường tàu đòi quyền tiền “xây tháp”; trong Hội diễn mừng ngày Toàn quốc kháng chiến, tiết mục đơn ca lại là bài hát tiếng Pháp do một kẻ hành nghề cave có môi thâm Hàn Quốc thể hiện; mấy thanh niên sùng Tây mất gốc bị ông trưởng họ lột trường, cấm cửa, sau khi không đòi được tiền thưởng về công ủng hộ dự án, thoát một cái, bỗng trở thành “những đứa con yêu của giống nòi”, thờ ra tuyên giọng yêu truyền thống, bảo vệ truyền thống” (Phan Huy Dũng 2012).

Nhận diện mối quan hệ nông thôn - thành thị như là quan hệ giữa truyền thống - hiện đại, ta thấy rằng, sự ra đời của cái mới đã có những tấn công vừa sâu sắc vừa thô bạo vào nền móng cái cũ, làm dịch chuyển những tiêu chí/ tiêu chuẩn về con người và cuộc sống. Tuy nhiên, ở một chiều cạnh khác, cái mới càng diễn tiến ở ạt càng mài sắc khao khát được bảo vệ và gìn giữ truyền thống. Cho nên, không gian nông thôn còn

được nhìn nhận như một biểu tượng của sự bình yên, thanh thản. Các nhà văn sử dụng nhiều yếu tố miêu tả để làm nổi bật đặc điểm riêng của nông thôn với cách nhìn triu mến. Có thể nói, diễn ngôn văn hóa nông thôn biểu hiện qua những ngôn từ giàu chất lãng mạn, biểu hiện qua mối quan hệ với nhân vật mang khát vọng trở về. Nông thôn không chỉ là định danh một khu vực làng với những khuôn mặt thân quen trong họ hàng, xóm giềng, mà còn như là văn hóa truyền thống, như là một báu vật quá khứ trong tâm hồn những người bơ vơ và lưu lạc. Đoạn văn miêu tả trong *Kẻ ám sát cánh đồng* là một ví dụ: “Hoàng hôn đang thanh thản chín dần. Cánh đồng quanh làng hắt dăng lên hơi thở như của một đứa trẻ đang ngái ngủ trong buổi chiều chờ mẹ trên hiên nhà. Màu tím nhạt của bóng tối những giây phút đầu không phải từ bầu trời cao thả xuống, mà ở những chân cỏ dào lên từ từ và mệnh mang như nước” (Nguyễn Quang Thiều 1995: 7). Làng Nhô kinh qua những biến động, kết thúc truyện, lại được trả về về hiền hòa và yên bình vốn có. Làng Đông trong *Bến không chông* thơ mộng và lãng mạn hơn bao giờ hết khi được miêu tả dưới ánh trăng. Trăng làng quê theo bước chân Hạnh và Nghĩa, men theo cống Linh để tìm câu chuyện huyền thoại bí ẩn năm nào. Trăng hòa vào dòng cảm xúc đầy khao khát của Hạnh ngay tại bến không chông. Trăng chênh chếch chiếu lên thềm nhà trong ngày Hạnh đưa con gái trở về tìm chú Vạn. Làng quê vẫn neo đậu trong tâm hồn Cơ như một bến tựa yên ả nhất, để sau bao nhiêu toan tính, Cơ vẫn hít hà mùi sen thơm bên hồ, vẫn mài miết tưởng tượng về một cánh đồng tít tắp, và đặc biệt, vẫn cháy bỏng tâm can khi đuổi theo dáng hình của Vy - vẻ đẹp thuần hậu, thanh khiết của người con gái nông thôn mà cả đời Cơ ao ước có được. Nông thôn lúc này hiện lên như một biểu tượng vẫy gọi khao khát “tìm nguồn”, như một đối cực với thành thị trong niềm hoài

nhớ khôn nguôi của con người. Bị quăng quật trong những không gian xô bồ, hối hả, sau cùng, con người lại mong mỏi được thanh thản, được giải thoát khỏi những hiện đại, văn minh để tìm về nguồn sống nhẹ nhõm và thanh thản hơn. Đó là những xung đột văn hóa tất yếu và sâu sắc trong nhịp độ phát triển của thời đại.

### **3.4. Để gia tăng biên độ nhận thức hiện thực nông thôn sau Đổi mới, các nhà văn còn tạo ra sự mơ hồ hóa và dịch chuyển không gian**

Bàn về không gian nghệ thuật trong văn học hiện đại, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử có nói tới tính mơ hồ hóa về không gian, thời gian lịch sử: “Tính mơ hồ, đa nghĩa của tác phẩm nghệ thuật bắt nguồn từ chỗ tác phẩm được viết ra để cho người đọc đồng sáng tạo. Tính mơ hồ tạo khả năng cho người đọc đồng tưởng tượng, bổ sung, suy đoán, ... Mà đã đồng sáng tạo, tác phẩm không tự đồng nhất vào chính nó. Nó nhòe đi, lớn lên, phong phú thêm, hoặc biến dạng bất ngờ do cảm nhận sâu, nông của người đọc. Khi ta nắm bắt một tư tưởng tác phẩm, ta đã nắm chắc được tác phẩm, nhưng chính lúc ấy, tác phẩm đã nhòe đi, mơ hồ đi, vì ta chỉ nắm được một phần của tác phẩm” (Trần Đình Sử 2008: 146, 147). Đặc điểm này rõ nhất trong văn học trào phúng, khi người ta sử dụng lối nói mơ hồ để tạo nên nhiều cách hiểu, có thể hiểu theo lẽ thông thường, có thể đảo ngược để có cách hiểu mới lạ, thú vị. Trong văn học hiện đại, tính chất mơ hồ hóa này được xem là một phương thức sáng tạo. Trong các tiểu thuyết viết về nông thôn, các tác giả làm được điều này. Tất nhiên, do sự pha trộn của lối viết tiền hiện đại lẫn hậu hiện đại, các tiểu thuyết thời kỳ này vẫn chưa thực hiện được một cách triệt để. Ban đầu, các nhà văn đưa ra một không gian cụ thể, đó là làng Thanh Khê (*Dòng sông Mía*), làng Giếng Chùa (*Mảnh đất lắm người*

hiều ma), làng Bái Thượng (*Thần thánh và bướm bướm*), làng Đồng (*Lão Khổ*) đề tăng thêm ấn tượng có thật, đáng tin của câu chuyện. Tuy nhiên, sự dịch chuyển của các biến cố, sự kiện khiến ranh giới thực - ảo dần bị mờ đi, nhòe đi, rất khó phân định rạch ròi hiện thực và huyền ảo, tưởng tượng và thực tế. Đường biên của không gian trở nên không rõ ràng. Ví dụ như, chuyện lão Quỳnh ngủ với ma, chuyện cô Bé Lớn trò chuyện với ma, chuyện bóng ma về hỏi tội lão Tòng, chuyện bà Thầm trò chuyện với các linh hồn. Bên cạnh đó, không gian nông thôn xuất hiện những yếu tố kì ảo như là, những cây bưởi bốn năm ra hoa một lần, cây gạo đỏ ôi một màu hoa cô quạnh và rùng rợn, cây nhãn trú ngụ những linh hồn oan khuất, ... Các nhân vật sinh hoạt trong không gian ấy cũng không tròn trịa mà méo mó, phức tạp giữa ranh giới thiện - ác, thiên thần - quỷ sứ. Ngay cả tên gọi của các nhân vật cũng chung chung hoặc mơ hồ, đó là thằng Lẹp (tên một giống cá ăn nổi trên mặt nước sông Châu), bà Đất, lão Khổ, ... Những bóng người như những bóng ma trong đêm: bóng ma rình rập thực hiện thù đoạn xấu xa, bóng ma tội lỗi lợi dụng lòng tin của nhân dân, bóng ma dục vọng thấp hèn cưỡng đoạt hạnh phúc của người khác. Màn đêm của không gian trộn trong sự âm u đui tối của con người tạo nên một thế giới vừa đậm đặc tính huyền thoại, hư ảo vừa chân thực đến ngọt ngào. Không gian ấy quen mà lạ, gần gũi mà thần bí, kích thích trí tưởng tượng và khả năng suy đoán của người đọc. Để làm mờ đi ranh giới nhận thức, các nhà văn thường nỗ lực xây dựng thời gian - không gian đêm tối. Thời gian - không gian bóng tối là thời gian - không gian ma quỷ hắc ám, hiểm họa, là sự đồng lõa với tâm địa của từng con người. “Đêm chứa đầy tất cả khả năng tiềm tàng của cuộc đời. Nhưng đi vào đêm là trở về với cái chưa xác định trong đó đầy rẫy những ác mộng và quái vật, những ý nghĩ đen tối. Đêm là hình ảnh của cái vô

thức, trong giấc ngủ đêm, vô thức được giải phóng. Cũng như bất kì biểu tượng nào, đêm biểu thị tính hai mặt, mặt tăm tối, nơi đương lên men mọi chuyển biến, và mặt trừ bị cho ban ngày, ở đó sẽ lóe ra ánh sáng của sự sống” (Chevalier 2002: 298). Không riêng gì *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, trong hầu hết các tiểu thuyết viết về nông thôn sau Đổi mới, thời gian đêm tối trở thành một kí hiệu nghệ thuật, một phương tiện tư duy. Đêm tối tạo nên ranh giới mong manh giữa nhận biết và u ám, giữa minh bạch và tù mù, trở thành không gian lẫn lộn của nhân vật để thực thi việc làm trái đạo lí. Không gian ấy rõ ràng tăng thêm tính chất căng thẳng, tạo nên mạch ngầm xung đột. Đêm tối là không gian thăng Giác tìm cách phi tang cái chết của ông Bông. Cuộc chạy trốn của lão Khả trong *Kẻ ám sát cánh đồng* cũng diễn ra trong đêm. Lão Khả “men theo bóng tối con đường tắt” đến nhà Xinh sau khi làm bao nhiêu việc ác nhằm kích động bà con, thực hiện âm mưu kiếm chác lợi nhuận. Lão đã ân áp trong căn hầm được đào sẵn, đối diện với cõi lòng thăm thẳm tăm tối của lão mà “rống lên khóc, tiếng khóc dội vòng quanh trong bốn bức tường đất âm u”. Chính cách kiến tạo không gian ấy làm cho các tiểu thuyết sau Đổi mới thoát ra khỏi ấn tượng về thế giới bỏ dôi, phân cực rạch ròi. Sự đa nguyên, đa sự, đa diện mới là mô hình hiện thực của thời hiện đại. Điều này khiến xung đột văn hóa trong các tiểu thuyết viết về nông thôn có sự đan chéo, xếp chồng lên nhau một cách phức tạp, vừa nối tiếp lại vừa khác lạ, không dễ gì có thể nắm bắt được. Mỗi mô thức xung đột lại khơi gợi một nhận thức về cuộc sống, cứ như vậy, các tiểu thuyết vẫy gọi tâm đón đợi bạn đọc đến những chân trời rộng lớn hơn, có tính đối thoại đa chiều hơn.

Xét đến cùng thì, “không gian nghệ thuật là sự mô hình hóa các mối liên hệ về thời gian, xã hội, đạo đức của bức tranh thế giới

thể hiện quan niệm về trật tự thế giới” (Trần Đình Sử). Theo quan điểm của IU.Loman, không gian điểm là yếu tố quan trọng trong ba loại hình không gian nghệ thuật, gồm: không gian điểm, không gian tuyến tính, không gian phẳng (hoặc không gian hình khối). Mỗi không gian điểm quyết định phạm vi hoạt động và quy định tính cách của nhân vật. Nhân vật ở nguyên một ranh giới không gian hay dịch chuyển ranh giới đều cho thấy sự lựa chọn khác nhau và kéo theo các trường nghĩa khác nhau. Nhìn nhận như vậy, thấy rằng, mô hình không gian được kiến tạo trong các tiểu thuyết viết về nông thôn sau đổi mới gắn với các kiểu chủ thể khác nhau: chủ thể tìm kiếm cội nguồn (qua những nhân vật giàu tính ẩn dụ trong *Mẫu thượng ngàn* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh, nhân vật Nguyễn Vạn trong *Bến không chồng*, nhân vật giáo Quý trong *Người giữ đình làng*, ...); chủ thể tha hóa nhân cách (qua những nhân vật biến đổi bản chất trong không gian đô thị hoặc nhân vật lợi dụng không gian nông thôn để trục lợi, đó là mô hình các cán bộ tha hóa, mô hình nhân vật trẻ tuổi đua đòi theo thị trường; mô hình con người bản năng, kém hiểu biết và hành động mù quáng, chẳng hạn như nhân vật Tòng trong *Ma làng*, nhân vật Trịnh Bá Thủ trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, nhân vật Giác trong *Thần thánh và bướm bướm*, nhân vật Lẹp trong *Dòng sông Mía*, ...); chủ thể chạy trốn cô đơn (qua những nhân vật không được sống với khát vọng và mong muốn của mình, như Hạnh trong *Bến không chồng*, Giang Minh Sài trong *Thời xa vắng*, bà Sơn trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, ...). Những kiểu nhân vật ấy lại nằm trong quan niệm của nhà văn về cuộc sống và con người. Cho nên, có thể hiểu, không gian nông thôn hay thành thị không phải là mục đích miêu tả chính của nhà văn, mà những không gian ấy trở thành chất liệu, để nhà văn kết cấu ý đồ sáng tạo

của mình trong một mô hình truyện kể thuộc thể loại tiểu thuyết.

#### 4. Kết luận

Rõ ràng, không gian văn hóa nông thôn là một dạng mã văn hóa đặc biệt trong tiểu thuyết sau Đổi mới. Sự mô tả và dịch chuyển không gian luôn gắn với hệ quy chiếu tư tưởng, gắn với những chủ thể khác nhau để liên tục tạo ra các tầng nghĩa của văn bản. Không gian văn hóa không được nhìn ở trạng thái tĩnh tại, đóng kín mà luôn được nhìn ở chiều hướng vận động, luôn có sự soi chiếu giữa tính chất bền vững từ tâm thức cộng đồng với những nhân tố mới của thời đại. Trong xu hướng đô thị hóa/hiện đại hóa mạnh mẽ, khi trật tự phẳng - ngang (với cách nhìn dân chủ) dần thay thế cho mô hình thứ bậc, bô đôi, phân cực và sự gia tăng tốc độ thông tin kéo gần khoảng cách không gian - thời gian, thì việc tìm hiểu không gian văn hóa nông thôn có ý nghĩa rất lớn. Trên cơ sở nhận diện sự kế thừa hay gạt bỏ, phát huy hay lãng quên các thói quen, các giá trị của quá khứ và hiện tại, các nhà văn dự báo và cảnh báo hướng phát triển của đất nước trong thời kì mới.

Khi tiếp cận văn hóa nông thôn, mỗi nhà văn có cách đặt vấn đề khác nhau. Lê Lưu tìm hiểu trạng thái sống/giá trị sống thời chiến và thời bình, nông thôn và thành thị, sự cô đơn, lạc lõng của hình tượng nông dân/người lính. Dương Hương soi chiếu vào những thân phận làng Đông, làng Đoài để thấy mặt trái của cải cách ruộng đất, mặt khuất lấp của khát vọng cá nhân trước định kiến dòng họ. Tô Hoài thấy được sự xấu xa, bi ối của tàn tuồng phong trào xã hội, nơi ươm mầm cho tội ác và lừa lọc. Đỗ Minh Tuấn phơi bày trạng hỗn loạn, tha hóa, nơi mà thật - giả, thiêng - tục, nghiêm - hài đối lập gay gắt, ... Cũng vì vậy, tiểu thuyết viết về nông thôn đa dạng lối viết, kháng

định sức sáng tạo của mỗi nhà văn. Điểm gặp gỡ của họ là khai thác nông thôn trong những chiều cạnh tương tác mới. Không gian văn hóa nông thôn được nhận thức lại một cách đa chiều qua những chấn động lịch sử, những va chạm trong đời sống. Hiện thực nông thôn hiện lên không tròn vẹn, nguyên khối mà chông chênh những mâu thuẫn. Suy cho cùng, các nhà tiểu thuyết sau Đổi mới đã sử dụng không gian văn hóa nông thôn để đối thoại lại về cách viết, cách nhìn. Kiến tạo không gian văn hóa nông thôn là một hình thức chất vấn, hoài nghi về hiện thực và các giá trị.

### Tài liệu trích dẫn

- Chevalier J, Gheer Brant A. 2002. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, (nhóm tác giả dịch). Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- Dương Hương. 2007. *Dưới chín tầng trời*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn.
- Đào Thắng. 2005. *Dòng sông Mía*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn.
- Lê Lưu. 1998. *Thời xa vắng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn.
- Nguyễn Khắc Trường. 2012. *Mảnh đất lắm người nhiều ma*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Quang Thiều. 1995. *Kẻ ám sát cánh đồng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Phan Huy Dũng. 2012. *Món nộm văn hóa Việt hiện nay dưới con mắt Đỗ Minh Tuấn (Đọc tiểu thuyết "Thần thánh và bướm bướm")*. vanhoanghean.com.vn
- Trần Đình Sử. 2008. *Giáo trình lí luận văn học, tập 1*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### Ngữ liệu khảo sát

- Dương Duy Ngũ. 2001. *Người giữ đình làng*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Dương Hương. 2000. *Bến không chồng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn.
- Đỗ Minh Tuấn. 2009. *Thần thánh và bướm bướm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Hoàng Minh Tường. 2013. *Gia phả của đất*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Nguyễn Xuân Khánh. 2012. *Mẫu thượng ngàn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Nguyễn Xuân Khánh. 2013. *Đội gạo lên chùa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Tô Hoài. 2015. *Ba người khác*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn.